

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 05-6-2026  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Bàn Tiến Quỳnh.
- Bà Dương Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1992. Căn cước công dân số 020192010202, cấp ngày 13/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phùng Triệu N, sinh năm 1986. Căn cước công dân số 020086008944, cấp ngày 22/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N được tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lạng

Son (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Trong thời gian chung sống chị Vi Thị H phát hiện anh Phùng Triệu N chơi bời nghiện ma túy. Gia đình đã khuyên bảo nhưng anh vẫn nghiện. Tháng 5/2024 anh Phùng Triệu N đi cai nghiện ma túy tại Trung tâm C Hà Nội. Tháng 9/2025 chị Vi Thị H bỏ nhà, không còn chung sống với gia đình cho đến nay. Nay xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Vi Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Triệu N.

Về con chung: Có 01 người con chung là Phùng Khánh N1, sinh ngày 31/7/2014. Theo đơn khởi kiện, khi ly hôn chị Vi Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh Phùng Triệu N cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vi Thị H thay đổi và yêu cầu anh Phùng Triệu N có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Vi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Về phía bị đơn anh Phùng Triệu N có bản tự khai trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Triệu N nhất trí về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, do anh nghiện ma túy nên anh có đi cai nghiện Trung tâm cai nghiện ma túy ở Hà Nội 18 tháng. Sau khi đi cai nghiện trở về địa phương, anh đã tu chí làm ăn. Nay xác định vẫn tình cảm còn nên không nhất trí ly hôn với chị Vi Thị H.

Về con chung: Có 01 người con chung là Phùng Khánh N1, sinh ngày 31/7/2014. Khi ly hôn anh Phùng Triệu N có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Vi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai 10/4/2026 của cháu Phùng Khánh N1 trình bày:* Cháu Phùng Khánh N1 hiện tại đang học lớp 6 Trường dân tộc nội trú xã V, tỉnh Lạng Sơn. Nếu bố Phùng Triệu N và mẹ Vi Thị H ly hôn thì cháu Phùng Khánh N1 có nguyện vọng ở với bố Phùng Triệu N.

Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh Phùng Triệu N và chị Vi Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Anh Phùng Triệu N có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Anh Phùng Triệu N nghiện ma túy và được đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ở Hà Nội từ năm 2024. Anh Phùng Triệu N mới trở về địa phương. Chị Vi Thị H công tác tại

Trường Mầm non H1, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống chưa thấy gia đình hay hàng xóm phản ánh về việc xô xát, đánh nhau giữa chị Vi Thị H và Phùng Triệu N. Về con chung của chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N có một người con chung là Phùng Khánh N1. Hiện nay cháu Phùng Khánh N1 học tại Trường D ở xã V, tỉnh Lạng Sơn từ năm 2025. Trước đây, cháu sinh sống tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn cùng bà nội, mẹ và bố cháu.

Đại diện gia đình anh Phùng Triệu N cho biết: Chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) vào năm 2014. Sau khi kết hôn, anh Phùng Triệu N và chị Vi Thị H chung sống cùng gia đình anh Phùng Triệu N tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian chung sống, anh Phùng Triệu N đi chơi bơi và có sử dụng ma túy, gia đình đã khuyên bảo, đến năm 2024 anh Phùng Triệu N đi cai nghiện ma túy tại Trung tâm cai nghiện ma túy ở Hà Nội 18 tháng. Hết thời gian cai nghiện, anh Triệu Phùng N2 trở về địa phương sinh sống, làm ăn; hiện nay anh Triệu Phùng N2 làm tại cửa hàng sửa chữa xe ô tô, máy xúc tại T, xã V. Còn chị Vi Thị H đi làm kế toán tại trường mầm non H1, xã Đ Từ khi anh Phùng Triệu N đi cai nghiện về, chị Vi Thị H không còn quan tâm tới nhau. Gia đình không có ý kiến gì về việc chị Vi Thị H yêu cầu ly hôn với anh Phùng Triệu N. Giữa chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N có một người con chung là Phùng Khánh N1, sinh ngày 31/7/2014. Từ khi sinh ra, cháu Phùng Khánh N1 chung sống cùng bà nội, mẹ, bố. Đến đầu năm lớp 6 năm học 2025-2026, cháu Phùng Khánh N1 đi học tại Trường dân tộc nội trú xã V, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N ly hôn, gia đình có ý kiến mong muốn được hỗ trợ bố cháu chăm sóc cháu, hiện nay anh Phùng Triệu N đi làm có công việc, lương thu nhập đủ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phùng Khánh N1 và gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm ra Quyết định xét xử, nguyên đơn chị Vi Thị H, bị đơn anh Phùng Triệu N chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt **bị đơn anh Phùng Triệu N không lý do.**

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị H. Về con chung: Giao con chung là Phùng Khánh N1, sinh

ngày 31/7/2014 cho anh Phùng Triệu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Vi Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phùng Triệu N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lạng Sơn thụ lý giải quyết thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Phùng Triệu N vắng mặt không lý do, chị Vi Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) nên quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N là hợp pháp. Nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, anh Phùng Triệu N nghiện ma túy, anh Phùng Triệu N thừa nhận mình nghiện ma túy và đã được đi cai nghiện, chị Vi Thị H đã bỏ nhà, không sinh sống cùng gia đình từ tháng 9/2025 cho đến nay. Chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Vi Thị H yêu cầu ly hôn với anh Phùng Triệu N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một người con chung là Phùng Khánh N1, sinh ngày 31/7/2014. Anh Phùng Triệu N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung;

chị Vi Thị H đồng ý anh Phùng Triệu N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cũng là nguyện vọng của con được sinh sống cùng bố. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phùng Khánh N1 cho anh Phùng Triệu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vi Thị H không nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Vi Thị H và anh Phùng Triệu N trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**: Chị Vi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000582 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Ghi nhận chị Vi Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 **Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228**; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ **vào** điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị H được ly hôn với anh Phùng Triệu N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Khánh N1, sinh ngày 31/7/2014 cho anh Phùng Triệu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vi Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Được trừ vào số tiền mà chị Vi Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tại biên lai số 0000582 ngày 24/3/2026 tại Chi cục Thi hành án tỉnh Lạng Sơn. Chị Vi Thị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Vi Thị H, bị đơn anh Phùng Triệu N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3- Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã Diêm He, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Thị Hiệt**